TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2020/DS-ST
Ngày 02 tháng 7 năm 2020
V/V: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải H- ờng

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Nhất

Ông Nguyễn Văn Bảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2020 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và kiện đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Lê Quang B, sinh năm 1938 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 186, đường N, phường T, TP B, tỉnh Bắc Giang.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông B:

Bà Lê Thị Thúy N sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Nhà số A, đường N, phường T, tỉnh Bắc Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 04/3/2020)

+ Bị đơn: Bà Thân Thị V, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn L sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 10, Ngõ 3, đường H, phường H, TP. B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bà Lê Thúy N đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang B trình bày:

Năm 2011, vợ chồng chị Thân Thị V và anh Nguyễn Văn L là người bán hàng bánh kẹo tại ki ốt số 8, của Công ty cổ phần thuốc lá Bắc Giang, có đặt vấn đề mua bán thuốc lá với ông B nên ông B có bán thuốc lá cho vợ chồng chị V với hình thức mua hàng là sáng lấy hàng thì chiều trả tiền. Thỏa thuận như trên được thực hiện đều đặn và thanh toán sòng phẳng. Đến tháng 12/2011 chị V nói do vào dịp tết bán được nhiều hàng nên có đặt vấn đề lấy nhiều hàng hơn để bán trong dịp tết và gần tết sẽ thanh toán đầy đủ nhưng đến gần tết chị V anh L cũng không thanh toán được tiền hàng cho ông B. Ngày 21/1/2012 chị V anh L có viết giấy khất thanh toán tiền hàng với ông B số tiền là 72.187.000đồng và hẹn trong một tháng của năm 2012 sẽ thanh toán hết tiền hàng cho ông B nhưng chị V không thực hiện như đã hứa

Trước đó ngày 01/4/2011 vợ chồng chị V anh L có vay ông B số tiền 20.000.000đồng, vợ chồng chị V hứa sẽ thanh toán cho ông B tiền lãi là 2.000đồng/1 triệu/1 ngày. Khi vay không hẹn ngày trả tiền nhưng có hẹn nếu ông B cần tiền thì sẽ thông báo cho chị V anh L trước 3 ngày anh chị sẽ thanh toán cho ông B. Trong thời gian vay, ông B xác định anh L chị V có trả cho ông 1.000.000đồng tiền lãi.

Đối với khoản tiền nợ tiền hàng 72.187.000đồng, ngày 10/10/2014 chị V có trả cho ông B 1.000.000đồng, từ đó đến nay chị V anh L không trả được cho ông B nữa. Ông B có đến đòi nhiều lần nhưng chị V anh L khất lần không trả. Do vậy ông B đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B buộc vợ chồng chị V anh L phải thanh toán cho ông B tổng số tiền là: 112.387.000đồng (trong đó gồm: Số tiền hàng chưa trả là 71.187.000đồng và tiền vay gốc 20.000.000đồng) và tiền lãi của 20.000.000đồng từ năm 2011 đến khi xét xử sơ thẩm là 21.200.000đồng).

+ Bị đơn chị Thân Thị V, anh Nguyễn Văn L sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho anh chị, hết thời hạn 15 ngày anh chị không có văn bản hay ý kiến gửi Tòa án. Ngày 06/3/2020, Tòa án ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để anh chị thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nhưng anh chị không thực hiện. Tòa án đã mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhiều lần, anh chị được tống đạt hợp lệ các văn bản trên nhưng anh chị không đến và không hợp tác làm việc. Do vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tống đạt hợp lệ cho anh L chị V nhưng anh chị không đến, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và quyết định mở phiên tòa lần thứ hai theo quy định

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 163; 169; 197; 256 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quang B. Buộc anh Nguyễn Văn L, chị Thân Thị V phải trả cho ông Nguyễn Quang B số tiền hàng là 71.187.000đồng; 20.000.000đồng tiền vay gốc và lãi 21.200.000đồng (tổng số tiền là: 112.387.000đồng)

Về án phí: Anh Nguyễn Văn L chị Thân Thị V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn. Không ai cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới. Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Quang B với anh Nguyễn Văn L chị Thân Thị V là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được qui định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo như tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị V, anh L có nợ tiền mua hàng hóa là thuốc lá 72.178.000đồng từ năm 2012 đến

nay chưa trả. Ngày 01/4/2011 anh L, chị V có vay của ông B 20.000.000đồng, nhiều lần ông B đòi anh L chị V đều không trả được, ông B khởi kiện ra Tòa án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp kiện đòi tài sản và tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256, Điều 257 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Đối với yêu cầu của ông B yêu cầu buộc anh L, chị V trả số tiền hàng và tiền vay. Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 21/1/2012 anh L chị V có viết 01 giấy xin khất nợ tiền mua hàng với ông B số tiền là 72.178.000đồng, hẹn trong khoảng thời gian 1 đến hai tháng sẽ trả hết số tiền trên nhưng anh L, chị V không trả như cam kết. Tòa án có triệu tập anh L, chị V đến làm việc để hỏi rõ yêu cầu nhưng anh chị không hợp tác. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy: Việc anh L, chị V nợ tiền hàng của ông B là có thật nên cần chấp nhận yêu cầu của ông B. Tuy nhiên năm 2014 anh chị V có trả cho ông B 1.000.000đồng do vậy cần trừ đi số tiền anh L, chị V đã trả 1.000.000đồng buộc anh L, chị V phải tiếp tục trả cho ông B số tiền còn lại là 71.178.000đồng.

Đối với yêu cầu buộc trả tiền vay 20.000.000đồng, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 01/4/2011 anh L, chị V có ký giấy vay tiền với ông B vay số tiền 20.000.000đồng đến nay chưa trả, ông B yêu cầu trả cho ông tiền gốc và tiền lãi từ ngày vay 01/4/2011 đến khi xét xử sơ thẩm. Tòa án có triệu tập anh L, chị V đến làm việc để hỏi rõ yêu cầu này nhưng anh chị không hợp tác và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy việc anh L, chị V có vay tiền của ông B là có thật nên cần chấp nhận yêu cầu của ông B

Đối với yêu cầu đòi lãi của số tiền vay 20.000.000đồng, Hội đồng xét xử thấy: Tại giấy vay tiền có ghi lãi nhưng không thỏa thuận lãi bao nhiêu. Nay ông B đề nghị buộc vợ chồng anh L chị V phải trả ông lãi 1%/tháng. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của ông B là có căn cứ cần chấp nhận. Vậy cách tính như sau:

Từ ngày vay 01/4/2011 đến ngày 02/7/2020 là 09 năm 03 tháng 01 ngày. (Đại diện theo ủy quyền của ông B đề nghị tính tròn 09 năm 03 tháng)

20.000.000đồng x 1%/1 tháng x 111 tháng = 22.200.000đồng

Trong thời gian vay anh L, chị V đã trả cho ông B 1.000.000đồng tiền lãi nên được trừ đi trong tổng số tiền lãi anh L, chị V phải trả cho ông B. Do vậy cần buộc vợ chồng anh L, chị V phải trả ông B số tiền gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi là 21.200.000đồng.

Cần buộc anh Nguyễn Văn L, chị Thân Thị V phải trả cho ông Lê Quang B tổng số tiền là: 112.378.000đồng (trong đó tiền hàng là 71.178.000đồng, tiền vay gốc 20.000.000đồng; Tiền lãi của số tiền vay 20.000.000đồng là: 21.200.000đồng)

[5]. Về án phí: Yêu cầu của ông B được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn L chị Thân Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 163; 169; 197; 256 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Quang B

2. Buộc anh Nguyễn Văn L, chị Thân Thị V phải trả cho ông Lê Quang B số tiền 112.378.000đồng (một trăm mười hai triệu, ba trăm bẩy tám nghìn đồng)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L, chị Thân Thị V phải chịu 5.618.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP B,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Thị Hải Hường